

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/07/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Hiệp

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 24/08/1987 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 094187001925

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại 0939 621 632

- Bị đơn: Ông **Bùi Thanh T**, sinh ngày 24/10/1988 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 094088001867

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại 0939 668 638

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2026, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông Bùi Thanh T có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ), và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà không thể để kéo dài cuộc sống hôn nhân với ông Bùi Thanh T được nữa. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Về con chung: Bà H và ông Bùi Thanh T có một con ruột là cháu Bùi Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 08/11/2013, hiện nay cháu H1 đang sống chung bà. Bà H yêu cầu được nuôi cháu H1 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H1 một tháng là 2.000.000 đồng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H yêu cầu được xin vắng mặt khi xét xử.

2/ Bị đơn ông Bùi Thanh T: Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H nhưng ông T không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, còn về tài sản chung và nợ chung thì không có yêu cầu Tòa án giải quyết với ông Bùi Thanh T cư trú tại ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Bùi Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Bùi Thanh T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 03/01/2013 bà H và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận

kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông T, theo bà H cho rằng Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân với ông Bùi Thanh T được nữa. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Thanh T. Còn ông Bùi Thanh T đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của bà H, mời tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, mời xét xử nhưng ông T không đến tham dự phiên hòa giải, phiên tòa, bỏ mặc cuộc hôn nhân giữa ông T và bà H. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã không còn nếu kéo cuộc sống hôn nhân của chính mình, thể hiện đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và ông T là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Bùi Thanh T có con chung là cháu Bùi Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 08/11/2013, bà H yêu cầu được nuôi cháu H1, ông T không có ý kiến phản đối. Cháu H1 hiện nay đã hơn 12 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ (bà H) sau khi ly hôn. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; **nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con**”*. Giữa bà H và ông T không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do cháu H1 hiện nay đã hơn 12 tuổi, có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà H) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau, hiện tại cháu H1 được mẹ ruột là bà H đang nuôi dưỡng nên căn cứ vào nguyện vọng của cháu H1, và cần ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao cháu H1 cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp về mặt tâm sinh lý của cháu, phù hợp nguyện vọng của cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông Bùi Thanh T theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định tại mục [4] Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Bùi Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 08/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông T không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Việc bà H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng: bà H yêu cầu ông T cấp

dưỡng cho cháu H1 một tháng 2.000.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Do bà H và ông T không thể thỏa thuận mức cấp dưỡng cho cháu H1 nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H1 một tháng 2.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình quy định “.....*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Mức lương tối thiểu vùng được áp dụng tại xã P, thành phố Cần Thơ theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định là 3.700.000 đồng/tháng, nên mức cấp dưỡng cho cháu H1 được áp dụng là 1.850.000 đồng. Từ đó chấp nhận một phần yêu cầu về mức cấp dưỡng của bà H, buộc ông T cấp dưỡng cho cháu H1 hàng tháng, một tháng cấp dưỡng số tiền 1.850.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/7/2026 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8.1] Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị Thu H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008095 ngày 24/04/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[8.2] Ông Bùi Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Bùi Thanh T thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 08/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Bùi Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Bùi Thanh T cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 08/11/2013 đến đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, một tháng cấp dưỡng số tiền 1.850.000 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 13/7/2026.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1/ Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị Thu H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008095 ngày 24/04/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6.2/ Ông Bùi Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

7/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

8/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thị hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lộc, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 99/2026/QĐ-SCBSBA

Cần Thơ, ngày 13 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về lỗi chính tả trong bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 07 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 24/08/1987

Căn cước công dân số 094187001925

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại 0939 621 632

- *Bị đơn*: Ông **Bùi Thanh T**, sinh ngày 24/10/1988

Căn cước công dân số 094088001867

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại 0939 668 638

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ như sau:

Tại các dòng thứ 10, 11 trang 5 từ trên xuống của bản án đã ghi: “**1/ Về quan hệ hôn nhân**: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Bùi Thanh T thuận tình ly hôn.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “**1/ Về quan hệ hôn nhân**: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Bùi Thanh T.”

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lộc, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng